

Số: 36 /2017/TT-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2017

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 217/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 217/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 217/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán như sau:

1. Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Đối với hành vi vi phạm quy định về thực hiện chào bán, phát hành chứng khoán tại các Điểm b, c và d Khoản 3 Điều 4, Khoản 4 và Khoản 5 Điều

6, Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (sau đây gọi tắt là Nghị định số 108/2013/NĐ-CP), ngày chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán. Đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP và Khoản 2a Điều 14 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được bổ sung theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 145/2016/NĐ-CP), thời hiệu xử phạt được tính kể từ ngày chứng khoán được đưa vào niêm yết hoặc đăng ký giao dịch đối với vi phạm đã kết thúc hoặc kể từ ngày lập biên bản ghi nhận hành vi vi phạm đối với vi phạm đang được thực hiện;

b) Đối với hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký công ty đại chúng quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP, Điểm a Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được sửa đổi theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP và Khoản 4, Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP, thời hiệu xử phạt được tính kể từ ngày lập biên bản ghi nhận hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký công ty đại chúng;”

2. Khoản 3 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Việc thu hồi chứng khoán đã chào bán, phát hành và hoàn trả cho nhà đầu tư tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) và tiền lãi phát sinh từ tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm phải công bố trên 01 tờ báo trung ương trong 03 số liên tiếp và trên trang thông tin điện tử của công ty về việc hoàn trả tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc (nếu có) cộng thêm tiền lãi tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng mà cá nhân, tổ chức vi phạm mở tài khoản thu tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc. Khoản tiền lãi của tiền mua chứng khoán hoặc tiền đặt cọc mà cá nhân, tổ chức vi phạm phải trả cho nhà đầu tư được tính từ ngày nhà đầu tư nộp tiền đến ngày cá nhân, tổ chức vi phạm trả lại tiền cho nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng chứng khoán mua trong đợt chào bán nêu trên một cách hợp lệ, cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm xác định các nhà đầu tư đã nhận chuyển nhượng trước thời điểm thông báo hoàn trả tiền và số lượng chứng khoán hiện đang nắm giữ để thông báo cho nhà đầu tư đó được biết;

b) Cá nhân, tổ chức vi phạm phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả thực hiện việc hoàn trả tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư, trong

thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc hoàn trả tiền cho nhà đầu tư.”

3. Khoản 3 và Khoản 8 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Quy định tại Khoản 7 Điều 20 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được sửa đổi theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP được áp dụng trong trường hợp vi phạm đối với các thông tin sau:

a) Thông tin về điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ ủy thác quản lý vốn, chi nhánh công ty chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; thông tin về điều kiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh, cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của tổ chức kinh doanh chứng khoán phái sinh;

b) Thông tin về hoạt động kinh doanh, tài sản, tình hình tài chính của tổ chức đề nghị cấp, bổ sung giấy phép;

c) Thông tin về cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng công nghệ thông tin với các hệ thống phù hợp (hệ thống giao dịch; hệ thống bù trừ, thanh toán) cho hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán phái sinh.

8. Hành vi “Làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” quy định tại Khoản 3a Điều 4 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP, hành vi “Làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự” quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được sửa đổi theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP và hành vi “Lập, xác nhận hồ sơ giả mạo để niêm yết chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán” quy định tại Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Là hành vi tạo dựng hoặc xác nhận các tài liệu, thông tin không có thực hoặc không chính xác để đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán;

b) Khi phát hiện hành vi quy định tại Khoản 3a Điều 4 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được sửa đổi theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP và Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán phải lập biên bản thu giữ giấy tờ giả mạo. Trong trường hợp giấy tờ giả mạo là giấy phép, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp giấy phép biết.”

4. Bổ sung Khoản 1a và Khoản 1b sau Khoản 1 Điều 5 như sau:

“1a. Quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP được áp dụng trong trường hợp không công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm

toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông được tổ chức từ sau thời điểm hoàn thành đợt chào bán chứng khoán ra công chúng cho đến khi sử dụng hết số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc không thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận của các năm kể từ khi hoàn thành đợt chào bán chứng khoán ra công chúng cho đến khi sử dụng hết số tiền thu được từ đợt chào bán.”

1b. Quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được áp dụng đối với trường hợp công ty đại chúng thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng sau thời điểm ngày 01/7/2011.”

5. Bổ sung Điều 5a sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. Vi phạm quy định về thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP được áp dụng trong trường hợp không công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông được tổ chức từ sau thời điểm hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho đến khi sử dụng hết số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc không thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận của các năm kể từ khi hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho đến khi sử dụng hết số tiền thu được từ đợt chào bán.”

6. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Vi phạm quy định về nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng

1. Quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được áp dụng trong trường hợp tổ chức vi phạm đã được hướng dẫn sửa đổi thông tin không chính xác trong hồ sơ đăng ký công ty đại chúng nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Hành vi “Không nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng” tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP được áp dụng trong trường hợp sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có văn bản yêu cầu công ty đại chúng nộp hồ sơ hoặc bổ sung hồ sơ đăng ký công ty đại chúng nhưng công ty đại chúng không thực hiện.”

7. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Vi phạm quy định về niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán

1. Quy định tại Khoản 2a Điều 14 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được bổ sung theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP được áp dụng đối với các trường hợp sau:

a) Công ty đại chúng hình thành từ doanh nghiệp nhà nước chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định pháp luật về cổ phần hóa;

b) Công ty niêm yết bị hủy bỏ niêm yết nhưng vẫn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng;

c) Công ty hợp nhất từ các doanh nghiệp trong đó có công ty niêm yết mà sau hợp nhất công ty hợp nhất đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng và không đáp ứng điều kiện niêm yết theo quy định;

d) Công ty đại chúng không đủ điều kiện niêm yết hoặc đủ điều kiện niêm yết nhưng chưa niêm yết.

2. Hành vi “Không đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán” tại Điểm e Khoản 2a Điều 14 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được bổ sung theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP được áp dụng trong trường hợp sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có văn bản yêu cầu thực hiện đăng ký giao dịch, niêm yết chứng khoán nhưng công ty đại chúng không thực hiện.

3. Hình thức xử phạt bổ sung “Đình chỉ hoạt động niêm yết chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch chứng khoán” tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP áp dụng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán, đăng ký giao dịch chứng khoán có thông tin cố ý làm sai sự thật, che giấu sự thật hoặc sai lệch nghiêm trọng hoặc hành vi lập, xác nhận hồ sơ giả mạo để niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Sở giao dịch chứng khoán đã chấp thuận niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán cho tổ chức vi phạm.”

8. Điều 8 được sửa đổi như sau:

“Điều 8. Vi phạm quy định về tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán

1. Quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được sửa đổi theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP được áp dụng đối với trường hợp tổ chức bất kỳ một địa điểm hoặc một hình thức trao đổi thông tin nào để thực hiện khớp lệnh mua, bán và giao dịch chứng khoán ngoài Sở giao dịch chứng khoán.

2. Trong trường hợp có khoản thu trái pháp luật, mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán được tính trên cơ sở toàn bộ các khoản thu mà tổ chức có được từ việc thực hiện hành vi vi phạm. Trường hợp đã áp dụng mức phạt tiền tối đa là 05 lần khoản thu trái pháp luật mà mức phạt vẫn thấp hơn mức phạt tiền tối đa quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được sửa đổi theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP thì người có thẩm quyền xử phạt áp dụng mức phạt tối đa quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được sửa đổi theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP để xử phạt.”

9. Bổ sung Khoản 1a sau Khoản 1 Điều 9 như sau:

“1a. Quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được sửa đổi theo quy định tại Khoản 22 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-

CP được áp dụng đối với công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng. Đối với công ty chứng khoán là công ty đại chúng vi phạm quy định về quản trị công ty thì áp dụng xử phạt theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP và Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP.”

10. Khoản 1 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi giao dịch nội bộ và hành vi giao dịch thao túng thị trường chứng khoán quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP được sửa đổi theo quy định tại Khoản 36 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP là khoản thu lợi bất chính phát sinh từ việc thực hiện các hành vi này trong khoảng thời gian thực hiện hành vi vi phạm, sau khi trừ đi các khoản thuế, phí phải nộp. Số lợi bất hợp pháp được tính khi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm mua chứng khoán vào hoặc bán chứng khoán ra để hiện thực hóa số lợi bất hợp pháp. Giá mua (bán) để tính số lợi bất hợp pháp là giá thực hiện và tính theo nguyên tắc giá mua (bán) bình quân gia quyền.

Trường hợp một người dùng nhiều tài khoản để giao dịch nội bộ hoặc giao dịch thao túng thị trường chứng khoán thì số lợi bất hợp pháp được tính trên tổng các tài khoản được sử dụng để giao dịch nội bộ hoặc giao dịch thao túng thị trường chứng khoán. Trường hợp một nhóm người thông đồng, cấu kết giao dịch nội bộ hoặc giao dịch thao túng thị trường chứng khoán thì số lợi bất hợp pháp được tính trên từng tài khoản được sử dụng để giao dịch nội bộ hoặc giao dịch thao túng thị trường chứng khoán.”

11. Khoản 4 Điều 15 được sửa đổi như sau:

“4. Quyết định xử phạt do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký thì đóng dấu cơ quan Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp quyết định xử phạt do Chánh Thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký thì đóng dấu Thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”

12. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán bị áp dụng mức phạt tiền trong khung phạt có mức phạt tối đa từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức hoặc bị áp dụng hình thức xử phạt chính là tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn hoặc bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt bổ sung hoặc biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 145/2016/NĐ-CP sẽ bị công bố công khai thông tin về vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính

theo quy định tại Khoản 1 Điều này, quyết định xử phạt phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp đối tượng bị xử phạt là thành viên giao dịch, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch chứng khoán, Quyết định xử phạt phải được công bố đồng thời trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải ghi rõ căn cứ thực hiện công bố công khai, nội dung công bố công khai; tên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán để đăng công khai thông tin.

3. Nội dung thông tin công bố gồm: họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm, hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

13. Điểm d Khoản 1 Điều 18 được sửa đổi như sau:

“d) Áp dụng các biện pháp cưỡng chế khác để buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 108/2013/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 145/2015/NĐ-CP.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2017.

2. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán theo đúng các quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết. ✓

Nơi nhận: ✓

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TƯ về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCK (300b).

KT. BỘ TRƯỞNG
TRƯỞNG



Trần Xuân Hà